| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Hơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Em
2. Bà Trần Thị Kim Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Ông Lê Quốc T, Sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn 02, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt bà T, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Đỗ Thị Thanh T trình bày:* Bà và Ông Lê Quốc T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2001, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 20/3/2001, theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2001 của UBND thị trấn Ma Lâm. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xãy ra mâu thuẫn là do ông T không lo lắng chăm sóc cho gia đình, thường xuyên chơi bời bên ngoài dẫn tới hai vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Từ tháng 9/2022 đến nay hai vợ chồng ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 29/8/2001 và Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/2008. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn Bà Đỗ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh T yêu cầu giải quyết ly hôn với Ông Lê Quốc T

- Về con chung: Sau khi ly hôn, người con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Lê Quốc T bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu Thịnh đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc Thái trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Như lời trình bày của bà T. Trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống. nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông đề nghị xét xử cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, người con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Lê Quốc T ông đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà T theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin xét xử vụ án vắng mặt ông.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Đỗ Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn Ông Lê Quốc T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn Ông Lê Quốc T có địa chỉ tại Thôn 02, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn Ông Lê Quốc T tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt ông. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung:

[4.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 20/3/2001, theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2001 của UBND thị trấn Ma Lâm, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mâu thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề. Từ tháng 09/2022 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết ly hôn, đều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T xin ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.b] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 29/8/2001 và Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/2008. Người con đầu đã tủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thịnh, khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Thịnh đang ở với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, tại bản khai của Cháu cũng mong muốn được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, quá trình giải quyết ông T cũng đồng ý giao cháu Thịnh cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Thịnh nghĩ nên giao cháu Thịnh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu Thịnh đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để nuôi sống bản thân, xét mức cấp dưỡng bà T đưa ra là phù hợp với thu nhập của ông T và phù hợp với mức sống tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4.c] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị Thanh T

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh T được ly hôn với Ông Lê Quốc T

- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/2008 cho Bà Đỗ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Quốc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Bà Đỗ Thị Thanh T 2.000.000 đồng/tháng, cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Lê Quốc T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011113 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Bà Đỗ Thị Thanh T còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng án phí. Ông Lê Quốc T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2023). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Hơn**